

Bản án số: 648/2023/HS-PT  
Ngày 28 tháng 8 năm 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ N**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền.

Bà Lê Thị Mai.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà N

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà N tham gia phiên tòa:***  
Bà Đoàn Thị Bình, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà N, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 295/2023/TPT-HS ngày 14 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Thị Thanh A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2023/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà N.

***\*Bị cáo có kháng cáo:***

**Phạm Thị Thanh A**, sinh ngày 19/6/1996 tại tỉnh Thái B; Hộ khẩu thường trú; thôn Vôi Đ, xã Trần P, huyện Chương M, thành phố Hà N; Chỗ ở: số 44, ngõ 75, đường Nguyễn X, phường Hạ Đ, quận Thanh X, thành phố Hà N; Giới tính: nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Đoàn thể, Đảng phái: không; Con ông Phạm Ngọc K và bà Nguyễn Thị T; Chồng Nguyễn Đức D (bị cáo khai ly hôn tháng 5/2022), có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019; bị cáo Phạm Thị Thanh A, có quan hệ tình cảm (ngoài hôn nhân) với Phạm Văn T, có một con chung sinh 28/ 10/2022

Danh chỉ bản số 000000001, lập ngày 01/12/2021 tại phòng cảnh sát kinh tế (PC03) Công an thành phố Hà N; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và hiện tại ngoại; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo do bị cáo mời:* Ông Bùi Thế V và bà Nguyễn Thị Phương L – Luật sư Văn phòng Luật sư Thái Minh thuộc Đoàn Luật sư

thành phố Hà N; Đều có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cáo trạng và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng đầu tháng 11/2020, Phạm Thị Thanh A thuê căn hộ tại P0614, tòa B, Chung cư Imperia - 203 Nguyễn Huy T, Thanh X, Hà N của ông Nguyễn Đình P (Sinh năm 1991; HKTT: Xóm K, thôn T, xã Cao V, Thanh O, Hà N) để ở với giá 800.000 đồng/01 ngày. Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, Phạm Thị Thanh A đã dùng thủ đoạn gian dối tự nhận với bà Nguyễn Thị Mai H (Sinh năm: 1966; HKTT: Tổ 17, thị trấn Đông A, Đông A, thành phố Hà N) là chị họ của chồng An là Nguyễn Đức D về việc An đã mua căn hộ đang nêu trên và cần có tiền trả ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà (gọi tắt là sổ đỏ), đồng thời An thuê người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn hộ An đang thuê để thế chấp cho Bà H để lừa vay tiền của Bà H. Tin là thật, Bà H đồng ý cho An vay tiền. Cụ thể:

Ngày 28/12/2020, do Bà H yêu cầu vay tiền phải có sự chứng kiến của bà Lê Thị T (Sinh năm 1960; HKTT: tổ 13 thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà N) là dì ruột chồng An (là Nguyễn Đức D) và Bà H nên An đã rủ bà Thiển đến nhà Bà H để hỏi vay tiền. Tại nhà Bà H, An nói dối Bà H là cần tiền để trả tiền ngân hàng lấy sổ đỏ căn hộ An đang ở thuê và bảo Bà H cho vay số tiền 132.000.000 đồng. Tin là thật, Bà H cho An vay số tiền 132.000.000 đồng. Bà H yêu cầu phải có chồng của An là Nguyễn Đức D phải chịu trách nhiệm cùng nên An đã nhờ Dậu đến nhà Bà H để lập giấy vay tiền với nội dung “Nguyễn Đức D vay của chị Nguyễn Thị Mai H số tiền 132.000.000 đồng để lo việc trả tiền ngân hàng. Ngày 04.01.2021 sẽ gặp tại ngân hàng VPbank để giải quyết lấy sổ đỏ, nếu chị cần tôi cầm sổ vay trả lại chị...” rồi Dậu ký trước, Bà H, An và bà Thiển (ký người làm chứng) ký sau. Sau đó, Bà H đưa tiền cho Dậu, Dậu nhận rồi chuyển lại toàn bộ số tiền 132.000.000 đồng cho An.

Đầu tháng 01/2021, An nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền và sở hữu nhà ở (gọi tắt là sổ đỏ) tại căn hộ đang thuê với mục đích đưa cho Bà H để Bà H tin tưởng và tiếp tục cho vay tiền. An vào mạng Internet liên hệ qua zalo với một người tên “Nguyễn Long” (hiện người này đã xóa zalo, hủy kết bạn với An, An cũng không nhớ số điện thoại) để đặt làm sổ đỏ giả, người này hẹn ngày 03/01/2021 sẽ có người đến gặp An để trao đổi cụ thể. Ngày 03/01/2021, tại sảnh B chung cư An đang thuê, An và một người đàn ông (không biết nhân thân lai lịch) thỏa thuận giá làm giả sổ đỏ của căn hộ An đang thuê là 127.000.000 đồng. An đưa trước cho người đàn ông này 7.000.000 đồng cùng căn cước công dân của vợ chồng An để chụp lại bằng điện thoại di động và người đàn ông này hẹn khoảng 2 đến 3 ngày sau sẽ có sổ đỏ giả đứng

tên Dậu và An. Đến ngày 06/01/2021, theo hướng dẫn của người đàn ông trên, An lên sân bay Nội Bài gặp một người phụ nữ (không biết nhân thân lai lịch) nhận sổ đỏ giả và trả nốt số tiền 120.000.000 đồng theo thỏa thuận. Số tiền dùng để thuê người làm giả giấy tờ là tiền An chiếm đoạt của Bà H nêu trên.

Sau khi lấy được sổ đỏ giả, ngày 06/01/2021 An rủ bà Thiển mang đến nhà và đưa cho Bà H để Bà H tin tưởng và thế chấp căn hộ tiếp tục đề nghị vay thêm số tiền 400.000.000 đồng. Tin là thật, Bà H đồng ý cho An vay số tiền 400.000.000 đồng. An và Bà H lập giấy biên nhận vay tiền theo mẫu sẵn của Bà H với nội dung “Phạm Thị Thanh A và Nguyễn Đức D có nhận của bà Nguyễn Thị Mai H số tiền 400 triệu đồng để làm vốn kinh doanh buôn bán... An cam đoan sẽ không gây phiền hà hoặc điều gì ảnh hưởng đến khi Bà H lấy những tài sản mà gia đình đang có sổ đất chung cư” rồi An, Bà H và bà Thiển cùng ký rồi Bà H đưa cho An số tiền 400 triệu đồng. Sau đó, An nhờ Dậu sang nhà Bà H ký sau vào giấy biên nhận tiền trên. Số tiền chiếm đoạt này An sử dụng kinh doanh tiền ảo và bị thua lỗ hết.

- Ngày 22/01/2021, do cần tiền An tiếp tục hỏi vay Bà H 300 triệu đồng. Vì đang cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của An nên Bà H đồng ý. Sau đó, An nhờ Dậu đến nhà Bà H nhận số tiền 300.000.000 đồng và viết Hợp đồng vay tiền với Bà H. Sau khi nhận tiền, Dậu mang về và đưa lại toàn bộ số tiền trên cho An. Số tiền chiếm đoạt này An sử dụng kinh doanh tiền ảo và bị thua lỗ hết.

Sau khi nhận tiền, An hứa hẹn với Bà H trong khoảng 02 tháng sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã nhận. Hết thời hạn cam kết, không thấy An trả tiền nên Bà H yêu cầu An ký hợp đồng mua bán sang tên căn hộ cho Bà H và trong 1 tháng An sẽ hoàn trả Bà H số tiền đã vay thì Bà H sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ, An đồng ý. Ngày 06/4/2021, thông qua Văn phòng công chứng Phạm Khương D (địa chỉ: Số 193 tổ 3 Thị trấn Đông A, huyện Đông A, thành phố Hà N), An, Dậu và Bà H ký hợp đồng chuyển nhượng căn hộ trên với giá trị 2.800.000.000 đồng.

Sau đó, do An không trả tiền nên Bà H đã mang sổ đỏ căn hộ đứng tên Nguyễn Đức D và Phạm Thị Thanh A đến Văn phòng đăng ký đất đai quận Thanh X để làm thủ tục sang tên thì Văn phòng phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên đã thông tin báo cho Phòng PC03 Công an thành phố Hà N điều tra làm rõ. Tại Cơ quan điều tra, Bà H tố cáo An có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án thì đến nay, An đã trả lại cho Bà H tổng số tiền 1.165.000.000 đồng.

\* Ngoài ra ngày 27/12/2020, An hỏi vay Bà H số tiền 333.000.000 đồng để kinh doanh, Bà H đồng ý. Sau đó Bà H đưa cho An vay số tiền 333.000.000 đồng, đến nay An đã trả lại số tiền này cho Bà H. Do vậy, việc vay mượn trên giữa An và Bà H là quan hệ dân sự.

- Tại Bản kết luận giám định số 7926 ngày 10/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà N kết luận:

+ Chữ ký đứng tên Nguyễn Đức D, Phạm Thị Thanh A, Nguyễn Thị Mai H và Lê Thị T trên các tài liệu cần giám định với chữ ký trên mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký, viết ra.

+ Các chi tiết in trên phôi mẫu cần giám định với các chi tiết in trên phôi mẫu so sánh không được in ra từ cùng một biểu mẫu. Hình dấu tròn có nội dung Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà N trên mẫu cần giám định với mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Xác minh tại Công ty TNHH Aden Services Việt Nam chi nhánh Hà N (đơn vị quản lý tòa nhà chung cư Imperia Garden), xác định: Căn hộ chung cư tại P0614, tòa B nêu trên có chủ sở hữu là ông Bùi Cao Minh, sinh năm 1989, HKTT: số 49, tổ 29, phường Quan H, quận Cầu G, thành phố Hà N. Quá trình quản lý không xác định được ông Bùi Cao Minh đang sinh sống hay đã cho thuê do chủ hộ không tiến hành khai báo với Ban quản lý tòa nhà. Việc nộp tiền phí quản lý, tiền điện, tiền nước đều do trực tiếp ông Minh chuyển khoản. Quá trình rà soát cư dân trên hệ thống quản lý tòa nhà không có ai tên là Nguyễn Đức D và Phạm Thị Thanh A.

- Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà N chi nhánh quận Thanh X, xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 503182 đứng tên ông Nguyễn Đức D và bà Phạm Thị Thanh A qua tra cứu không thấy trên hệ thống phần mềm VLIS. Mặt khác tên địa chỉ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi địa chỉ “số 203 Nguyễn Huy T” là không đúng vì thực tế địa chỉ trên là số “203 Nguyễn Huy T”. Khi thấy có dấu hiệu nghi vấn Văn phòng đăng ký đất đai Hà N chi nhánh quận Thanh X đã báo cáo đề Văn phòng đăng ký đất đai Hà N phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hà N làm rõ vụ việc.

- Xác minh tại Công an phường Thanh X Trung, quận Thanh X, thành phố Hà N, xác định: Ngày 10/4/2019, ông Bùi Cao Minh có đến công an phường Thanh X Trung, quận Cầu G để làm thủ tục đăng ký tạm trú tại Căn hộ số P0614, Tòa B, chung cư Imperia Garden, địa chỉ 203 Nguyễn Huy T, phường Thanh X Trung, quận Thanh X, Hà N. Sau khi đăng ký tạm trú ông Minh có sinh sống một thời gian, sau đó chuyển đi nơi và cho người khác thuê. Đến tháng 02/2021, vợ chồng ông Minh chuyển về tiếp tục sinh sống tại căn hộ trên. Quá trình rà soát xác định căn hộ số P0614 không có công dân tên Nguyễn Đức D và Phạm Thị Thanh A đăng ký tạm trú.

Chủ hộ P2412A, Tòa D, chung cư Imperia Garden là ông Nguyễn Thống Nhất. Ông Nhất đã cho ông Nguyễn Đình P (người làm nghề môi giới bất động sản tự do, chuyên môi giới mua bán, cho thuê các căn hộ tại chung cư Imperia

Garden) quyền môi giới cho thuê căn hộ của ông Nhất. Ông Phi là người trực tiếp môi giới cho An thuê căn hộ số 2412A, Tòa D, chung cư Imperia Garden thông qua hợp đồng thuê nhà với ông Nguyễn Thống Nhất. Tại hợp đồng thể hiện An thuê căn hộ từ ngày 04/02/2021 với giá cho thuê 15.500.000 đồng/tháng. Vợ chồng An đã sinh sống tại căn hộ này từ ngày 04/2/2021 đến nay.

**Tại Cơ quan điều tra,** Phạm Thị Thanh A khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu trên. An khai tổng số tiền mà An đã gian dối để chiếm đoạt của Bà H là 832.000.000 đồng. Còn số tiền 333.000.000 đồng lúc đầu là tiền vay cá nhân giữa An và Bà H. Chồng An là Nguyễn Đức D không biết việc An làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, sau đây đưa cho Bà H. An có nói với Dấu là An mua căn chung cư trên và đang cần tiền làm ăn nên thế chấp cho Bà H và cần Dấu ký tên vào các Giấy vay tiền và hợp đồng mua bán căn hộ trên. An không thỏa thuận hay bàn bạc gì với Dấu việc lừa dối Bà H để chiếm đoạt tiền. Số tiền chiếm đoạt của Bà H, An sử dụng một mình và dùng vào việc kinh doanh tiền ảo.

**Nguyễn Đức D khai:** Khoảng tháng 11/2020, Dấu được An thông báo là An đã mua căn hộ 0614 tại Chung cư 203 Nguyễn Huy T, quận Thanh X, thành phố Hà N. Dấu có hỏi An mua thế nào thì An nói mua trả góp, cần vay tiền để trả cho ngân hàng. An có bảo Dấu là vay tiền của bà Nguyễn Thị Mai H vì Bà H là người nhà, dễ cho nhau vay hơn. Do vậy, An có nói chuyện với Bà H về việc vay tiền để trả cho ngân hàng và Bà H đã đồng ý. Tổng số tiền mà An nhận của Bà H là 1.165.000.000 đồng, trong đó: An có bảo Dấu viết 02 Giấy vay tiền của Bà H với tổng số tiền 432.000.000 đồng (số tiền nhận này Dấu đưa hết lại cho An), còn lại là do An viết vay với Bà H nhưng sau đó đưa Dấu ký cùng. Ngoài ra, An còn nói với Dấu để vay được tiền của Bà H thì Bà H yêu cầu phải ký Hợp đồng mua bán nhà. Vì tin tưởng vợ nên Dấu đã ký Hợp đồng thế chấp một phần quyền sử dụng đất và Hợp đồng thế chấp với Bà H. Toàn bộ tiền Bà H đưa là do An nhận và sử dụng. Dấu không nhận tiền và không sử dụng khoản tiền nào của Bà H. Dấu cũng không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất mang tên Nguyễn Đức D và Phạm Thị Thanh A là giả.

- Đối với Nguyễn Đức D: Mặc dù Dấu là người trực tiếp viết trên 02 Giấy vay tiền và Hợp đồng vay tiền với Bà H, nhưng thực chất Dấu không nhận và sử dụng số tiền này. Vì tin tưởng An nên Dấu viết giấy theo yêu cầu của An. Toàn bộ số tiền Bà H đưa cho Dấu, Dấu đều lại cho An và An sử dụng toàn bộ số tiền của Bà H đưa. Dấu không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Đức D và Phạm Thị Thanh A là giả. Dấu không được bàn bạc, thống nhất với An trong việc làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Vì tin tưởng An trong việc An nói mua căn hộ trả góp và phải trả tiền ngân hàng nên Dấu đã

ký và viết trên các giấy tờ theo yêu cầu của An. Do vậy, Cơ quan điều tra xác định Đậu không có hành vi đồng phạm với An nên không xem xét xử lý hình sự đối với Đậu.

- Đối với bà Lê Thị T là người đi cùng An đến vay tiền của Bà H, bà Thiển không bàn bạc hay thỏa thuận gì với An trong việc vay tiền Bà H, do Bà H yêu cầu phải có bà Thiển làm chứng nên mọi lần An vay tiền bà Thiển đều đi cùng và ký giấy với tư cách người làm chứng nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

- Đối với Phạm Khương D là Công chứng viên: Trước khi ký công chứng, anh Duy đã thực hiện theo quy trình của công chứng viên trong việc nhận hồ sơ gốc do An và Bà H đưa, sau đó tra trên hệ thống công chứng Uchi để xác định đúng hộ khẩu của An và Đậu, xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa có biến động gì trong việc chuyển nhượng. Anh Duy không bàn bạc hay thống nhất gì trước với Bà H cũng như An và Đậu, không hưởng lợi riêng trong việc ký công chứng và không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà An đưa là giả. Do vậy, không đủ căn cứ xác định Phạm Khương D có dấu hiệu đồng phạm với Phạm Thị Thanh A nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với Phạm Khương D.

- Đối với đối tượng có zalo tên “Nguyễn Long”: Do không xác định được thông tin lai lịch và địa chỉ cụ thể, cũng như số điện thoại của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh để xem xét xử lý.

**Trách nhiệm dân sự:** Phạm Thị Thanh A đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bà Nguyễn Thị Mai H.

Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKS-P3 ngày 07/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà N đã truy tố Phạm Thị Thanh A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2023/HSST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà N:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Thanh A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Khoản 3 Điều 341; điểm b (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), điểm s (đối với tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức) khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Phạm Thị Thanh A 8 (tám) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 2 (hai) năm tù về tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Thị Thanh A có đơn kháng cáo kêu

oan về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo Phạm Thị Thanh A, thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang giảm nhẹ hình phạt.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà N sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bị cáo, kết luận: Bị cáo Phạm Thị Thanh A bị xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Thị Thanh A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm; nghe lời khai các bị cáo; nghe tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:*

Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thanh A đảm bảo về mặt hình thức, trong hạn luật định được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại Tòa cấp sơ thẩm và giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, bảo đảm tính khách quan của vụ án.

[2] Về hành vi và tội danh bị cáo Phạm Thị Thanh A, được thể hiện qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án ở giai đoạn điều tra; truy tố; xét xử sơ thẩm được mô tả như sau: Phạm Thị Thanh A không phải là chủ sở hữu căn hộ số 0614 tòa B chung cư Imperia 203 Nguyễn Huy T, quận Thanh X, thành phố Hà N, nhưng bị cáo đã nói dối đã mua căn hộ và đang làm sổ đỏ nhưng do thiếu tiền. Nên ngày 28/12/2020 bị cáo hỏi chị Hương vay tiền để làm sổ đỏ, Hương đã đồng ý cho vay 132.000.000 đồng. Sau đó bị cáo lên mạng thuê 1 người không quen biết làm giấy tờ giả GCNQSD đất và quyền sở hữu căn hộ số 0614 tòa B chung cư Imperia 203 Nguyễn Huy T, quận Thanh X, thành phố Hà N, đứng tên bị cáo và chồng là Nguyễn Đức Đ, rồi đưa sổ đỏ giả cho chị Hương và

vay tiền tiếp, do tin tưởng bị cáo có sổ đỏ thật, nên ngày 06/01/2021 chị Hương đưa cho bị cáo vay tiếp với số tiền là 400.000.000 đồng, tiếp đó đến ngày 22/01/2022 cho bị cáo vay tiếp 300.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận sau 2 tháng trả nợ; nếu không trả nợ được thì sẽ trả bằng căn hộ trên và thỏa thuận này được thể hiện bằng Hợp đồng tại phòng công chứng số: 193 tổ 3 thị trấn Đông A, huyện Đông A, thành phố Hà N với giá thỏa thuận về căn hộ là 2.800.000.000 đồng và hẹn sau một tháng nếu An không trả hết tiền thì sẽ bán căn hộ trên cho chị Hương. Sau 1 tháng bị cáo cũng không trả được tiền cho chị Hương. Hết thời hạn như đã thỏa thuận chị Hương mang sổ đỏ căn hộ đến văn phòng đăng ký đất đai quận Thanh X làm thủ tục sang tên thì mới phát hiện sổ đỏ giả; số tiền bị cáo chiếm đoạt đã chi tiêu hết. Đến nay đã trả lại toàn bộ tiền cho chị Hương.

Ý kiến của luật sư cho rằng hành vi lừa đảo bị cáo thể hiện khi ký hợp đồng 2.800.000.000 đồng và đánh giá phạm tội chưa đạt là không phù hợp với tiến trình tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử hành vi chiếm đoạt ba lần với tổng số tiền là 832.000.000 đồng mà Viện kiểm sát đã truy tố và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo nhận tội với số lượng tiền này là phù hợp với các lời khai của bị cáo và bị hại trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

Như vậy bị cáo An đã có hành vi gian dối, dù không có quyền sở hữu căn hộ, đất, nhưng đã làm sổ đỏ giả, đưa cho chị Hương, để chị Hương tin tưởng giao ba lần với tổng số tiền 832.000.000 đồng đưa cho bị cáo, số tiền này bị cáo khai đã tiêu sài cá nhân hết. Nay chị Hương cho rằng chị không phải là người bị hại. Theo quy định của pháp luật qui định tại Điều 62 BLTTHS: “Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra”.

Với hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Thị Thanh A đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà N, xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị Thanh A là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ; hành vi phạm tội của bị cáo đã làm sứt mẻ lòng tin giữa con người; gây ảnh hưởng niềm tin trong quần chúng nhân dân và gây ra dư luận xấu trong xã hội. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị Thanh A cần phải có biện pháp xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Phạm Thị Thanh A; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích đánh giá vai trò, tính chất, mức độ của bị cáo cũng như đánh giá về nhân thân, được hưởng tình tiết giảm



nhẹ điểm b (đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản), điểm s (đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức) khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm a (giá trị tài sản bị chiếm đoạt từ 500.000 đồng trở lên) khoản 4 (12 năm đến 20 năm, chung thân) Điều 174 Bộ luật Hình sự xét xử với mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Thanh A 8 (tám) năm; đối với tội “Làm giả tài liệu giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” Khoản 3 (3 năm đến 7 năm) Điều 341, Điều 54 Bộ luật Hình sự xét xử với mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Thanh A 2 năm tù. Việc lượng hình của cả hai tội trên là chưa đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội nêu trên đối với bị cáo Phạm Thị Thanh A. Nên dẫn đến mức án của hai tội trên là chưa phù hợp, là chưa đúng quy định của pháp luật về hình phạt. Tuy nhiên không có kháng cáo của bị hại, không có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân các cấp. Do đó, phần quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật sẽ được xem xét theo trình tự giám đốc thẩm.

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng một tình tiết giảm nhẹ điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, như vậy chưa đủ điều kiện để được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Theo điểm a (chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000 đồng trở lên) khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, thực tế đối chiếu việc bị cáo chiếm đoạt giá trị tiền 832.000.000 đồng là trên mức khởi điểm của định khung khoản 4 (12 năm đến 20 năm, chung thân) Điều 174 Bộ luật Hình sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt 8 năm tù là chưa phù hợp với việc áp dụng pháp luật về hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo nộp bằng tờ quốc ghi công của Liệt sỹ Phạm Ngọc T (là anh trai của ông Nội); nộp bản sao giấy khai sinh Phạm Nguyên A1, sinh 28/10/ 2022 là con của bị cáo Phạm Thị Thanh A với Phạm Văn T (không có đăng ký kết hôn). Đó là tài liệu mới của bị cáo để xem xét cho kháng cáo và nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà N phân tích đề nghị và ý kiến của các luật sư nêu trong bài bào chữa đề nghị áp dụng bổ xung các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như sau:

- Bị cáo đã bồi thường toàn bộ được bị hại xác nhận được hưởng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (tình tiết này đã được áp dụng tại cấp sơ thẩm).

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận tội về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng chưa thực sự ăn năn hối cải (vẫn còn thực hiện quyền im lặng trước một số câu hỏi của Hội đồng phúc thẩm), tuy nhiên Tòa án cấp phúc thẩm vẫn đánh giá áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

- Theo các tài liệu thể hiện thì khi bị cáo đang có chồng là Nguyễn Đức D (có đăng ký kết hôn) và 2 con chung, nhưng bị cáo vẫn có thêm một con riêng là Phạm Nguyên A1, sinh 28/10/2022 với Phạm Văn T. Tại thời điểm này vụ án đã

được khởi tố ngày 05/8/ 2021 đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; việc có thai trong thời kỳ này là vi phạm đạo đức xã hội, vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo vẫn được ghi nhận theo điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Hoàn cảnh gia đình khó khăn bị cáo nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nên có thể ghi nhận bị cáo được ghi nhận khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, tại Tòa cấp phúc thẩm sẽ bổ sung thêm 2 tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và bị cáo đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Từ những đánh giá nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thanh A và đề nghị của các luật sư bào chữa cho bị cáo. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà N, đề nghị giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm là phù hợp với đánh giá nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm, cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Thanh A kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ vào Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự (năm 2015); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thanh A; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2023/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà N.

1.1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Thanh A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm b, s, n khoản 1 khoản 2 Điều 51 Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Thanh A 8 (tám ) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.3. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 2 (hai) năm tù của tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” trong cùng bản án này; buộc bị cáo Phạm Thị Thanh A phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt (đi) thi hành án.

[2]. Án phí: Bị cáo Phạm Thị Thanh A phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà N;
- TAND TP Hà N;
- Cục THADS TP Hà N;
- Bị cáo (Theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Hạnh**

